BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

HONGBANG INTERNATIONAL UNIVERSITY

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

(Áp dụng từ năm học 2021-2022)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình: **CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**
BACHELOR of REHABILITATION

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Phục Hồi Chức Năng

Mã số: **7720603**

Tên gọi của văn bằng: Cử nhân Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng

1. Mục tiêu

Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Kỹ thuật Phục Hồi Chức Năng chuyên ngành Vật Lý Trị liệu, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

- ***Kiến thức***

Có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở

PLO 1: Trình bày kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật- công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành phục hồi chức năng chuyên ngành Vật lý Trị liệu.

PLO 2: Áp dụng kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

PLO 3: Vận dụng hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và

cao sức khoẻ nhân dân.

➢ ***Kỹ năng***

Kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học Vật lý trị liệu ở trình độ đại học

PLO4: Thực hiện được các kỹ thuật khám - lượng giá Vật lý trị liệu.

PLO 5: Thiết lập được mục tiêu, kế hoạch điều trị bằng phương pháp Vật lý trị liệu và tiên lượng phục hồi phù hợp trên từng trường hợp bệnh cụ thể.

PLO 6: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Vật lý trị liệu thông thường và các kỹ thuật Vật lý trị liệu chuyên sâu.

PLO 7: Vận dụng sự hiểu biết về các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị thuộc ngành phục hồi chức năng và sử dụng thành thạo và bảo quản các trang thiết bị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin.

PLO 8: Sử dụng tiếng Anh trình độ B1, khung Châu Âu khi tốt nghiệp.

➢ ***Mức tự chủ và trách nhiệm***

PLO 9: Thể hiện sự tận tụy với nghề nghiệp trong việc nâng cao sức khoẻ, điều trị người bệnh, và khiêm tốn học tập, chân thành hợp tác với đồng nghiệp; trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn

PLO 10: Thể hiện khả năng làm việc theo nhóm phục hồi và phối hợp với các thành viên trong nhóm để nghiên cứu khoa học, thực hiện các kế hoạch phục hồi cho bệnh nhân và có ý thức học tập suốt đời.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 131TC

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A	**Giáo dục đại cương**	**21**	
B	**Giáo dục chuyên nghiệp**	**102**	**8**
	I.Kiến thức cơ sở khối ngành	17	
	II.Kiến thức cơ sở ngành	19	
	III. Kiến thức ngành/chuyên ngành	61	8
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	5	
TỔNG		***123***	***8***
		131	

Khối kiến thức giáo dục đại cương có **21** tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ (chưa bao gồm 11 tín chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng) nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của chương trình Cử nhân Phục Hồi Chức Năng chuyên ngành Vật lý Trị liệu.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có **123** tín chỉ (115 bắt buộc và 8 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về Phục hồi Chức Năng chuyên ngành Vật lý Trị liệu.

Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/Các môn thay thế có **5** tín chỉ

7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A	**Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), 16,03% số TC CTĐT**													
I	**Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh**		**11**											
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3	0	3		45		90				IV
2	05069	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2	0	2		30		60				V

3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30		60				V
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30		60				VI
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30		60				VI
II	**Pháp luật và tin học**		**4**											
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2		30		60				VII
7	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2		30		60				I
III	**Ngoại ngữ**		**6**											
8	GE1017	Anh văn I	3	3	0	2		30	0	90				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3	0	2		30	0	90				II
III	**Giáo dục thể chất**		**3**											
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3*		15	60	60				I
IV	**Giáo dục quốc phòng - an ninh**		**8**											
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*		75		150				II
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*			90	45				II
B	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 110 TC (Bắt buộc: 102TC; Tự chọn: 8 TC), chiếm 83,96% số TC CTĐT**													
I	**Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 17TC (Bắt buộc: 17TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 12,97% số TC CTĐT**													
13	RH2001	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	2	1	1	2		15	30	45				II
14	RH2002	Sinh học và di truyền	2	1	1	2		15	30	45				II
15	RH2003	Lý sinh	2	2	0	2		30	0	60				II
16	RH2009	Vật lý	2	2	0	2		30	0	60				II
17	RH2004	Hóa học	2	2	0	2		30	0	60				III
18	MD1036	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	2		30	0	60				I
19	MD1037	Tâm lý Y học – Đạo đức Y học	2	2	0	2		30	0	60				III
20	MD1031	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	0	2		30	0	60				I
21	RH2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0	1		15	0	30		16		VI
II	**Khối kiến thức cơ sở ngành: 19TC (Bắt buộc: 19 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 14,50% số TC CTĐT**													
22	RH2010	Giải phẫu	3	2	1	3		30	30	75				I
23	RH2011	Sinh lý	3	2	1	3		30	30	75	20			I
24	RH2012	Giải phẫu bệnh	1	1	0	1		15	0	30		20		III
25	RH2013	Hóa sinh	2	2	0	2		30	0	60				III
26	RH2016	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	2	0	2		30	0	60		21		II
27	RH2018	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0	1		15	0	30				III
28	RH2019	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	2		15	30	45				IV
29	RH2020	Dịch tễ học	1	1	0	1		15	0	30				II
30	RH2021	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	0	1		15	0	30				IV

31	RH2023	Bệnh học Nội khoa	2	2	0	2		30	0	60				II
32	RH2024	Bệnh học Ngoại khoa	1	1	0	1		15	0	30				II
III	**Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 61TC (Bắt buộc: 61 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 46,56 % số TC CTĐT**													
33	RH3001	Nhập môn – giới thiệu chuyên ngành Vật lý trị liệu và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý trị liệu	2	2	0	2		30		60				I
34	RH3002	Giải phẫu chức năng	3	1	2	3		15	60	60		20		III
35	RH3003	Khoa học vận động	2	1	1	2		15	30	45		20,31		III
36	RH3004	Khoa học thần kinh	2	2	0	2		30	0	60		20,21		III
37	RH3005	Quá trình phát triển con người	2	2	1	1		15	30	60		32,33		IV
38	RH3006	Lượng giá chức năng	3	1	2	3		15	60	60		31		III
39	RH3007	Cách phân loại ICF của Tổ Chức Y Tế Thế giới	2	1	1	2		15	30	45		32,33		IV
40	RH3008	Vận động trị liệu	4	2	2	4		30	60	90		31,32		IV
41	RH3009	Các phương thức điều trị Vật Lý trị liệu 1 + 2	4	2	2	4		30	60	90		31,32,33		IV
42	RH3010	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 1	3	1	2	3		15	60	60		35,36,37, 38		V
43	RH3011	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 2	4	2	2	4		30	60	90		35,36,37, 38,39		VI
44	RH3012	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ tim mạch và hô hấp	3	2	1	3		30	30	75		20,34,35 ,36,37,38		V
45	RH3013	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ	3	1	2	3		15	60	60		33,35,36, 37,38		VI
46	RH3014	Phục hồi chức năng Nhi khoa	3	1	2	3		15	60	60		34,35,36, 37		VI
47	RH3015	Tiếng Anh chuyên ngành I	2	2	0	3		45	0	60		8,9		V
48	RH3016	Tiếng Anh chuyên ngành II	2	2	0	3		45	0	60		8,9,44		VII
49	RH3017	Tổ chức và quản lý khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	1	1	0	1		15	0	30		30,47,48		VIII
50	RH3018	Thực tập lâm sàng 1	4	0	4	4		0	180	60		31-> 39,41		V
51	RH3019	Thực tập lâm sàng 2	4	0	4	4		0	180	60		31-> 39,40,41, 42		VI
52	RH3020	Thực tập lâm sàng 3	4	0	4	4		0	180	60		31-> 39,40,41, 42,43		VII
53	RH3021	Thực tập lâm sàng 4	4	0	4	4		0	180	60		31-> 39,40,41, 42,43,53, 55		VIII
HỌC PHẦN TỰ CHỌN: 8TC (Bắt buộc:0 TC; Tự chọn: 8TC), chiếm 6,10% số TC CTĐT														
Chọn 02 trong 04 môn														

54	RH3025	Nghiên cứu khoa học nâng cao	2	1	1		2	15	30	45		16,19		VII
55	RH3023	Vật lý trị liệu thần kinh - cơ nâng cao	2	1	1		2	15	30	45				VII
56	RH3024	Vật lý trị liệu cho người bị cắt cụt chi & dụng cụ chỉnh hình	2	1	1		2	15	30	45		31-> 39,40,41, 42,43,53, 55		V
57	RH3022	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1		2	15	30	45		31-> 39,40,41, 42,43,53, 55		V
Chọn 02 trong 04 môn														
58	RH3026	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa – tiết niệu - sinh dục - nội tiết.	2	1	1		2	15	30	45		31-> 39, 40,41,42, 43,53,55		VII
59	RH3027	Vật lý trị liệu Hô hấp – Tim mạch nâng cao	2	1	1		2	15	30	45		31-> 39,40,41, 42,43,53, 55		VII
60	RH3028	Thực tập cộng đồng, Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1		2	15	30	45		31 -> 39,40,41, 42,43,53, 55,54		VIII
61	RH3029	Thực hành dựa trên thực chứng trong Vật lý trị liệu	2	1	1		2	15	30	45		16,19, 31 -> 39,40,41, 42,43,51, 53,54,55		VIII
IV	**Khối kiến thức cuối khóa *(thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế)*: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0TC), chiếm 3,81% số TC CTĐT**													
62	RH3030	Khóa luận tốt nghiệp	5	5	0			75	0	150				VIII
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
63	RH3033	Tổng hợp các kiến thức lý thuyết cơ bản về Vật lý trị liệu	2	2	0			30	0	60				VIII
64	RH3032	Giải quyết ba trường hợp bệnh điển hình – Môn học thay thế khóa luận 2	3	0	3			0	135	45				VIII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 131 TC (Bắt buộc: 123 TC; Tự chọn: 08 TC)														

8. Tổ chức thực hiện

8.1 Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)*

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 16TC; Tự chọn: 0TC)			**16**	**15**	**1**	**16**	**0**	**225**	**30**	**480**

1	**GE1020**	Giáo dục thể chất*	3*	1	2	3*	0	15	60	60
2	**GE1017**	Anh văn I	3	3	0	3	0	45	0	90
3	**00008**	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	0	60
4	**RH2010**	Giải phẫu	3	2	1	3	0	30	30	90
5	**MD1036**	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	2	0	30	0	60
6	**MD1031**	Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2	0	2	0	30	0	60
7	**RH3001**	Nhập môn – giới thiệu chuyên ngành Vật lý trị liệu và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý trị liệu	2	2	0	2	0	30	0	60
8	**MD1037**	Tâm lý Y học – Đạo đức Y học	2	2	0	2	0	30	0	60
Học kỳ II: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0TC)			**18**	**16**	**2**	**18**	**0**	**240**	**60**	**540**
1	**02309**	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*	0	75	0	150
2	**RH2002**	Sinh học và di truyền	2	1	1	2	0	15	30	60
3	**RH2003**	Lý sinh	2	2	0	2	0	30	0	60
4	**RH2009**	Vật lý	2	2	0	2	0	30	0	60
5	**GE1018**	Anh văn II	3	3	0	3	0	45	0	90
6	**RH2016**	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	2	0	2	0	30	0	60
7	**RH2020**	Dịch tễ học	1	1	0	1	0	15	0	30
8	**RH2023**	Bệnh học Nội khoa	2	2	0	2	0	30	0	60
9	**RH2024**	Bệnh học Ngoại khoa	1	1	0	1	0	15	0	30
10	**RH2011**	Sinh lý	3	2	1	3	0	30	30	90
11	**02310**	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh	3*	0	3	3*	0	0	90	45
Học kỳ III: 18TC (Bắt buộc: 18TC; Tự chọn: 0 TC)			**18**	**12**	**6**	**18**	**0**	**180**	**180**	**540**
1	**RH2012**	Giải phẫu bệnh	1	1	0	1	0	15	0	30
2	**RH3004**	Khoa học thần kinh	2	2	0	2	0	30	0	60
3	**RH2018**	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0	1	0	15	0	30
4	**RH2004**	Hóa học	2	2	0	2	0	30	0	60
5	**RH2013**	Hóa sinh	2	2	0	2	0	30	0	60
6	**RH3002**	Giải phẫu chức năng	3	1	2	3	0	15	60	90
7	**RH3003**	Khoa học vận động	2	1	1	2	0	15	30	60
8	**RH3006**	Lượng giá chức năng	3	1	2	3	0	15	60	90
9	**RH2001**	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	2	1	1	2	0	15	30	60
Học kỳ IV: 18 TC (Bắt buộc: 18TC; Tự chọn: 0 TC)			**18**	**11**	**7**	**18**	**0**	**165**	**210**	**540**
1	**05068**	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	3	0	45	0	90
2	**RH2021**	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	0	1	0	15	0	30
3	**RH2019**	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	2	0	15	30	60

4	**RH3007**	Cách phân loại ICF của Tổ Chức Y Tế Thế giới	2	1	1	2	0	15	30	60
5	**RH3009**	Các phương thức điều trị Vật Lý trị liệu 1 + 2	4	2	2	4	0	30	60	120
6	**RH3008**	Vận động trị liệu	4	2	2	4	0	30	60	120
7	**RH3005**	Quá trình phát triển con người	2	1	1	2	0	15	30	60
Học kỳ V: 18TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 2 TC)			**18**	**10**	**8**	**16**	**2**	**150**	**300**	**585**
1	**05069**	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	2	0	30	0	60
2	**05070**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0	60
3	**RH3015**	Tiếng Anh chuyên ngành I	2	2	0	2	0	30	0	60
4	**RH3010**	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 1	3	1	2	3	0	15	60	90
5	**RH3012**	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ tim mạch và hô hấp	3	2	1	3	0	30	30	90
6	**RH3018**	Thực tập lâm sàng 1	4	0	4	4	0	0	180	180
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)			**2**	**1**	**1**	**0**	**2**	**15**	**30**	**45**
7	**RH3022**	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1	0	2	15	30	45
8	**RH3024**	Vật lý trị liệu cho người bị cắt cụt chi & dụng cụ chỉnh hình	2	1	1	0	2	15	30	45
Học kỳ VI: 19TC (Bắt buộc: 19TC; Tự chọn: 0TC)			**19**	**9**	**10**	**19**	**0**	**135**	**360**	**630**
1	**00007**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0	60
2	**05071**	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0	60
3	**RH3014**	PHCN Nhi Khoa	3	1	2	3	0	15	60	90
4	**RH2008**	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0	1	0	15	0	30
5	**RH3013**	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ	3	1	2	3	0	15	60	90
6	**RH3011**	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 2	4	2	2	4	0	30	60	120
7	**RH3019**	Thực tập lâm sàng 2	4	0	4	4	0	0	180	180
Học kỳ VII: 12 TC (Bắt buộc: 8TC; Tự chọn: 4 TC)			**12**	**6**	**6**	**8**	**4**	**90**	**240**	**420**
1	**00042**	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0	60
2	**RH3016**	Tiếng Anh chuyên ngành II	2	2	0	2	0	30	0	60
3	**RH3020**	Thực tập lâm sàng 3	4	0	4	4	0	0	180	180
Học phần tự chọn (Chọn 2 môn trong 4 môn)			**4**	**2**	**2**	**0**	**4**	**30**	**60**	**120**
4	**RH3025**	Nghiên cứu khoa học nâng cao	2	1	1	0	2	15	30	60
5	**RH3023**	Vật lý trị liệu thần kinh - cơ nâng cao	2	1	1	0	2	15	30	60
6	**RH3026**	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa – tiết niệu - sinh dục - nội tiết.	2	1	1	0	2	15	30	60
7	**RH3027**	Vật lý trị liệu Hô hấp – Tim mạch nâng cao	2	1	1	0	2	15	30	60

Học kỳ VIII: 12 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 2 TC)			**12**	**7**	**5**	**10**	**2**	**105**	**210**	**420**
1	**RH3021**	Thực tập lâm sàng 4	4	0	4	4	0	0	180	180
2	**RH3017**	Tổ chức và quản lý khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	1	1	0	1	0	15	0	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 môn trong 2 môn)			**2**	**1**	**1**	**0**	**2**	**15**	**30**	**60**
3	**RH3029**	Thực hành dựa trên thực chứng trong Vật lý trị liệu	2	1	1	0	2	15	30	60
4	**RH3028**	Thực tập cộng đồng, Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1	0	2	15	30	60
Khoá luận tốt nghiệp										
5	**RH3030**	Khóa luận tốt nghiệp	5	5	0	5	0	75	0	150
Học phần thay thế khóa luận										
6	**RH3033**	Tổng hợp các kiến thức Lý thuyết cơ bản về Vật lý trị liệu	2	2	0	0	0	30	0	60
7	**RH3032**	Giải quyết ba trường hợp bệnh điển hình – Môn học thay thế khóa luận 2	3	0	3	0	0	0	135	135
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			**131**	**86**	**45**					

Lưu ý: *Hạn chế bố trí một học phần ở học kì 2 nếu học phần điều kiện tiên quyết của học phần đó được học ở học kì 1.*

8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng chuyên ngành Vật lý Trị liệu do Hiệu Trưởng Trường Đại học học Quốc Tế Hồng Bàng ban hành . Chương trình gồm 131 tín chỉ, trong đó có 123 TC bắt buộc, 8 TC tự chọn, 5 TC thực hiện khóa luận tốt nghiệp, chưa kể các phần nội dung Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-An Ninh.

Phòng Đào tạo và Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng có nhiệm vụ phối hợp thực hiện chương trình theo chuẩn đầu ra.

Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Khoa phải lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực Phục hồi chức năng do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh Đề cương chi tiết môn học / học phần.

9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (*tóm tắt*)

9.1. Triết học Mác - Lê Nin

Trình bày những nét khái quát nhất về triết học Mac-Lê Nin và vai trò của Triết học Mác Lê Nin trong đời sống xã hội. Những nội dung cơ bản chủ nghĩa duy vật biện chứng. Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Những nội dung cơ bản chủ nghĩa duy vật lịch sử....

9.2. Kinh tế chính trị Mác Lê Nin

Trình bày đối tượng phương Pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mac Lê Nin, hàng hóa thị trường và vai trò các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị gia tang thặng dư trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Xã hội khoa học.

9.4. Lịch Sử Đảng cộng Sản Việt Nam

Học phần tập trung vào làm rõ sự ra đời của của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành nước, đất, chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc; đường lối công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại của Đảng. Người học cần xác định các kiến thức về đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Đại đoàn kết, về xây dựng một nhà nước kiểu mới ở Việt Nam và về đao đức, văn hóa và xây dựng con người mới... cùng với những sáng tạo về lý luận và thực tiễn chỉ đạo cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng XHCN Việt Nam của Hồ Chí Minh. Người học cần xác định các kiến thức về cộng sản chủ nghĩa, đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

9.6. Pháp luật đại cương

Trang bị cho học viên kiến thức về nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật. Giới thiệu những khái niệm cơ bản về pháp luật. Giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, tập trung vào một số ngành luật thông dụng giúp sinh viên ứng xử, chấp hành tốt các chính sách của Nhà nước cũng như các quy định pháp luật, đảm bảo kỷ cương xã hội, bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân.

9.7. Tin học đại cương

Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng.

9.8. Anh văn I

Học phần này cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản tiếng anh trong chuyên ngành điều dưỡng, đồng thời cung cấp các cấu trúc văn phạm và các kỹ năng đọc hiểu cần thiết để đọc các tài liệu tiếng anh chuyên ngành. Học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên điều dưỡng nâng cao kỹ năng nói qua các bài hội thoại, các bài tập ngữ pháp giúp sinh viên nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng anh chuyên ngành và có kỹ năng giao tiếp trong các tình huống. Sinh viên có thể áp dụng tiếng anh chuyên ngành trong quá trình thăm khám, nhận định,chẩn đoán và đưa ra kế hoạch chăm sóc cho ngừoi bệnh trong các tình huống thường gặp

9.9. Anh Văn II

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe- nói- đọc- viết cùng với các điểm ngữ pháp. Sau mỗi đơn vị bài học về kỹ năng tích hợp sẽ có 1 bài ôn luyện và trau giồi kỹ năng, nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng làm bài, chuẩn bị tốt cho bài thi. Các kỹ năng làm bài bám sát định dạng đề thi bao gồm Nghe / Đọc chọn các câu đúng sai/không đề cập trong bài, bài tập đa lựa chọn; Điền khuyết (Ngữ pháp); Thảo luận dựa vào tranh ảnh; Đóng vai theo tình huống (Nói); ghép nhiều lựa chọn (Đọc); Viết theo chủ đề. Người học cần ứng dụng các kiến thức anh văn cơ bản về giao tiếp, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh gia đình và cộng đồng

9.10. Giáo dục thể chất (*)

Học phần này nhằm trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khoẻ; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khoẻ, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khoẻ của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Sau khi học xong học phần này, sinh viên cần biết áp dụng các Kiến thức rèn luyện thân thể để nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng...

9.11. Lý thuyết Giáo dục quốc phòng – An ninh

Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về truyền thống quân đội Nhân dân Việt Nam và nghĩa vụ của người thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng. Người học cần xác định được các kiến thức về đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam..

9.12. Thực hành Giáo dục Quốc Phòng An Ninh

Học phần này hướng dẫn người học thực hiện được những thao tác kỹ thuật về: điều lệ đội ngũ, bắn súng AK, ném lựu đạn, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu và rèn luyện được tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường. Người học có thể áp dụng các kiến thức này trong rèn luyện thân thể cũng như bảo vệ quốc gia

9.13 Học phần Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu

Môn học trước: giải phẩu và sinh lý

Học phần giới thiệu cho sinh viên về sự phân biệt vô khuẩn nội khoa và ngoại khoa, áp dụng vấn đề vô khuẩn trong kỹ thuật điều dưỡng; khám và theo dõi được các biểu hiện của hoạt động sống; thực hiện được các kỹ năng thực hành cơ bản chăm sóc người bệnh; nguyên tắc và cách xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu thông thường.

9.14 Học phần Sinh học và di truyền

Học phần giới thiệu một số vấn đề về các nguyên lý sinh học như: sinh học phân tử, sinh học tế bào,... Bên cạnh, học phần còn cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất, những quy luật di truyền chi phối tính trạng, bệnh tật ở người, các xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh tật và tư vấn di truyền. Nội dung học phần giúp sinh viên biết và chỉ định được một số xét nghiệm di truyền y học, cũng như tư vấn được một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp; từ đó làm nền tảng để học tiếp các môn học cơ sở và các môn lâm sàng của khối ngành khoa học sức khỏe.

9.15 Học phần Lý sinh

Lý Sinh là học phần cơ sở tương đối quan trọng cho khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý có nhiều ứng dụng trong y học như sóng âm, dòng điện trong cơ thể, quang sinh học, phóng xạ sinh học..., giải thích các hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống, các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Học xong học phần này, người học sẽ có nền tảng vững chắc để học các học phần chuyên ngành có liên quan tiếp theo và giải thích được các hiện tượng vật lý và quá trình xảy ra ở cơ thể sống.

9.16 Học phần Vật lý

Trình bày được nội dung các định luật vật lý cơ bản chi phối các hiện tượng và quá trình vận động của thế giới tự nhiên ,liên quan đến việc ứng dụng và nhận thức các kiến thức y học. Ứng dụng các định luật vật lý phân tích được các hiện tượng và quá trình xảy ra trong cơ thể sống . Hiểu được bản chất và nguyên tắc ứng dụng chủ yếu của các tác nhân vật lý (siêu âm, laser, phóng xạ v.v...) trong chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu khoa học.

9.17 Học phần Hóa học

Hóa học là học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hóa học, các nguyên lý cơ bản của nhiệt động hóa học; cân bằng hóa học; dung dịch các chất không điện ly, các chất điện ly, dung dịch keo; điện hóa học; danh pháp, tính chất, phương pháp điều chế, ứng dụng y sinh học của các đơn chất, hợp chất phổ biến.

9.18 Học phần Môn Xác suất - thống kê y học

Môn học trước: Tin học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9.19 Học phần Môn Tâm lý y học - Đạo đức y học

Học phần này thuộc Kiến thức cơ sở khối ngành, gồm hai phần

1. Tâm lý học: mô tả các hiện tượng tâm lý, trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế với bệnh nhân và đồng nghiệp.
2. Đạo đức y học: trình bày các khái niệm, nguyên tắc đạo đức cơ bản trong thực hành y khoa, những quy định về đạo đức khi tiến hành nghiên cứu khoa học, nghĩa vụ của người cán bộ y tế đối với bệnh nhân và xã hội, những nội dung đặc trưng của đạo đức người cán bộ y tế.

9.20 Học phần Dân số - Truyền thông Giáo dục sức khỏe

Học phần Dân số - Truyền thông Giáo dục sức khỏe thuộc kiến thức cơ sở khối ngành, gồm hai học phần: học phần Dân số và học phần Truyền thông – Giáo dục sức khỏe. Học phần Dân số cung cấp cho người học các khái niệm về quy mô, cơ cấu dân số,

phân bố dân cư, mức sinh – mức chết và các yếu tố ảnh hưởng, dân số và phát triển, các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số. Học phần Truyền thông – Giáo dục sức khỏe cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về truyền thông và giáo dục sức khỏe. Nội dung học phần trình bày các khái niệm cơ bản về truyền thông và giáo dục sức khỏe; lý thuyết về hành vi sức khỏe; các phương pháp, phương tiện truyền thông và giáo dục sức khỏe; kỹ năng truyền thông và giáo dục sức khỏe; lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các hoạt động chương trình giáo dục sức khỏe.

9.21 Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe

Học phần cung cấp các kiến thức về về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.

9.22 Học phần Giải phẫu

Giải phẫu là học phần mở đầu trong các học phần cơ sở ngành nhằm giới thiệu cho sinh viên nắm được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong khối ngành khoa học sức khỏe, định nghĩa, phạm vi và cách gọi tên trong giải phẫu học, các phương tiện và phương pháp học giải phẫu. Sinh viên được học lý thuyết về cấu tạo tứ chi, đầu mặt cổ của cơ thể bình thường và thực hành trên mô hình để mô tả vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong và mối liên quan giữa xương, cơ, mạch máu và thần kinh của tứ chi, đầu mặt cổ.

9.23 Học phần Sinh lý

Sinh lý học là môn học cơ sở quan trọng trong y học, mô tả các chức năng bình thường của cơ thể sống, chủ yếu là cơ chế thực hiện và điều hòa hoạt động chức năng. Học phần 1 giới thiệu các vấn đề cơ bản của cơ thể sống với đơn vị sống là tế bào. Học phần này đề cập đến hai cơ chế điều hoà hoạt động của cơ thể là cơ chế thể dịch và thần kinh. Trong đó, cơ chế thần kinh thông qua việc chi phối hệ cơ để điều hòa hoạt động các cơ quan và từ đó cũng tạo sự chuyển động của cơ thể. Những kiến thức chung này được vận dụng để giải thích một số rối loạn chức năng và làm nền tảng khi tìm hiểu về sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể.

9.24 Học phần Giải phẫu bệnh

Nội dung chính của học phần giải phẫu bệnh bao gồm: Mô bệnh học đại cương, giải thích các cơ chế bệnh lý cơ bản, tổn thương cơ bản của tế bào và mô, tổn thương rối loạn tuần hoàn, viêm và u. Học phần này cung cấp những kiến thức mô bệnh học đại cương, giải thích cơ chế biến đổi của những tổn thương ở từng cơ quan riêng lẽ: Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ cơ xương khớp, hệ thống hạch bạch huyết, hệ thần kinh và hệ nội tiết.

9.25 Học phần Hóa sinh

Học phần Hóa sinh sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về cấu trúc, chức năng, vai trò của các chất trong cơ thể, các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng và điều hòa các quá trình này. Từ những kiến thức nền tảng, người học thấy rõ mối liên quan giữa các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể, giữa các quá trình chuyển hóa đó với những biến đổi – rối loạn bệnh lý.

9.26 Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh Miễn dịch sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sinh lý bệnh đại cương và sinh lý bệnh cơ quan: các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể bệnh trong các quá trình bệnh bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương trong các bệnh lý và miễn dịch học: kiến thức miễn dịch học đại cương, nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể và ý nghĩa của đáp ứng miễn dịch đối với cơ thể.

9.27 Học phần Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm

Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) là học phần cơ sở ngành cung cấp kiến thức có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng trong các loại thực phẩm phổ biến, các vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng liên quan đến mất cân bằng dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có khả năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng cũng như những điều kiện đảm bảo trong công tác quản lý vệ sinh phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng.

9.28 Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Môn học trước: giải phẫu

Học phần giới thiệu cho sinh viên giải phẫu X- Quang sọ mặt, cột sống, ngực, xương tứ chi, khung chậu. Phân biệt được xương bình thường trên X-Quang và xương chi gãy. Xem được trên phim X-Quang một số bệnh thường gặp ở cột sống, bệnh phổi và màng phổi.

9.29 Học phần dịch tễ học

Học phần cung cấp các kiến thức về nguyên lý và phương pháp dịch tễ học ứng dụng trong việc mô tả các vấn đề sức khoẻ cộng đồng, nguyên lý dịch tễ học và các biện pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm, chấn thương và các hình thức giám sát dịch tễ học.

9.30 Học phần Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp

Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp là học phần cơ sở ngành cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến sức khỏe và môi trường, các yếu tố môi trường ảnh hưởng lên sức khoẻ và các tác động gây ô nhiễm môi trường, các yếu tố nguy cơ trong lao động; và ảnh hưởng của các yếu tố này đến sức khoẻ người lao động từ đó đề ra các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường, giải pháp cải thiện điều kiện lao động và phòng chống tai nạn lao động.

9.31 Học phần Bệnh học Nội Khoa

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh, các phương pháp thăm dò, hình ảnh giúp chẩn đoán bệnh về hệ tiêu hóa, thận tiết niệu. Những nguyên tắc điều trị được cập nhật, phác đồ điều trị và thuốc dùng điều trị chính trong các bệnh về tiêu hóa, thận tiết niệu cũng như các nguyên tắc dự phòng các bệnh này cũng được giới thiệu đầy đủ trong học phần này.

9.32 Học phần Bệnh học Ngoại Khoa

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt. Các nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu cũng như chỉ định và điều trị các cấp cứu bụng, ngoại tiêu hóa gan mật, ngoại nhi thường gặp được nêu đầy đủ trong học phần này.

9.33 Học phần Nhập môn giới thiệu chuyên ngành Vật lý trị liệu và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý trị liệu

Học phần gồm có hai phần: phần 1 giới thiệu lịch sử nền Y học Phục Hồi và chuyên ngành Vật lý trị liệu của Việt Nam và thế giới nói chung và Trường Đại học Quốc Tế Hồng Bàng nói riêng. Đồng thời, giới thiệu chương trình đào tạo cử nhân VLTL hệ đại học mà các sinh viên sẽ theo học. Vai trò người Cử nhân Vật lý trị liệu trong công tác tư vấn, phòng ngừa, chăm sóc và điều trị bệnh nhân trong các cơ sở y tế. Ngoài ra, Khoa sẽ sắp xếp để các sinh viên có thể thăm quan các Khoa VLTL/PHCN ở các bệnh viện trong thành phố sẽ giúp hiểu rõ hơn vai trò, trách nhiệm và nhiệm vụ của Cử nhân Vật lý trị liệu khi làm việc tại các cơ sở y tế. Phần 2 giới thiệu về đạo đức của nhà chuyên môn Vật lý trị liệu dựa trên qui định của Hội Vật Lý Trị liệu Thế giới và của Bộ Y Tế Việt Nam.

9.34 Học phần Giải phẫu chức năng

Môn học trước: giải phẫu và sinh lý.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vị trí của cơ: nguyên ủy và bám tận, chức năng của một cơ hay nhóm cơ, thần kinh chi phối để điều khiển hoạt động chức năng của của các nhóm cơ của chi trên, chi dưới, cột sống và đầu mặt. Phân loại các loại khớp trong cơ thể và các chức năng hoạt động.

9.35 Học phần Khoa Học Vận Động

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức các thuật ngữ sinh cơ học và vận động học của cơ thể. Các thành phần và cấu trúc của các mô cơ – xương, tính di động của khớp. Sự hoạt động của cơ, vai trò chức năng, lực cơ, sức mạnh và sức bền, sự căng cơ, mối quan hệ giữa chiều dài/ tốc độ/ sự kéo căng của cơ và điện cơ đồ. Chức năng vận động và kiểm soát vận động. Tư thế (tĩnh và động) và dáng đi, di chuyển và thăng bằng.

9.36 Học phần Khoa học thần kinh

Môn học trước: giải phẫu và sinh lý.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự phát triển của hệ thần kinh và mối liên quan đến sự phát triển vận động, vai trò của hệ thần kinh trong chức năng vận động, chức năng cảm giác, hệ thính giác và thị giác, thần kinh vận động, cơ vân và sự kiểm soát của tủy sống. Các chức năng thần kinh cao cấp bao gồm chức năng ngôn ngữ, nhận thức và cử động hữu ý.Các chứng đau do nguồn gốc thần kinh và sự tái sinh thần kinh sau tổn thương, ứng dụng các kiến thức vào lĩnh vực vật lý trị liệu và phục hồi.

9.37 Học phần Môn Quá trình phát triển con người

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức các mốc phát triển vận động bình thường theo lứa tuổi, hiểu được một số liên quan đến sự thay đổi của các hệ thống cơ, xương, thần

kinh, hô hấp, tim mạch theo từng lứa tuổi. Những thay đổi về thăng bằng, dáng đi, sự cầm nắm và thể lực qua từng lứa tuổi.

9.38 Học phần Lượng giá chức năng *(Thử cơ và đo tầm vận động)*

Môn học trước: giải phẫu, giải phẫu chức năng

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng của phương pháp thử cơ bằng tay và đo tầm vận động khớp ở chi trên, chi dưới, cột sống; mẫu dáng bộ bình thường, các chu kỳ của dáng đi và những sai lệch trong dáng bộ và dáng đi.

9.39 Học phần cách phân loại ICF của Tổ chức Y tế thế giới

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về Phân loại Quốc tế về Chức năng, Giảm khả năng và Sức khỏe của Tổ Chức Y Tế Thế Giới (International Classification of Functioning, Disability and Health = ICF) để áp dụng trên lâm sàng về việc khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh lý. Thiết lập mục tiêu trước mắt và lâu hạn đồng thời đưa ra được chương trình điều trị Phục hồi chức năng theo từng trường hợp bệnh. Đo lường được sự tiến bộ về chức năng trên bệnh nhân; cách thiết lập chương trình tự tập tại nhà và dựa trên hoạt động sống hằng ngày; cách chọn lựa và sử dụng dụng cụ trợ giúp và thích nghi trên bệnh nhân nếu cần.

***9.40 Học phần* Vận động trị liệu**

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; môn lượng giá chức năng

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng và những nguyên lý cơ bản, chỉ định và chống chỉ định của các bài tập thụ động, chủ động tập, chủ động tập trợ giúp, chủ động tập có lực kháng.

Kỹ thuật tạo thuận cảm thụ bản thể thần kinh cơ, kỹ thuật tập trên banh trị liệu, kỹ thuật tập chuỗi động đóng và chuỗi động mở, kỹ thuật isokinetic...

Cách sử dụng các phương tiện trợ giúp như gậy, nạng, khung tập đi....

9.41 Học phần Các phương thức điều trị vật lý trị liệu 1&2

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng và vật lý.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp.

Các tác dụng điều trị, tai biến và các biện pháp an toàn, chỉ định và chống chỉ định của các phương pháp điều trị bằng siêu âm, siêu âm kết hợp với dòng điện giảm đau, thấu nhiệt sóng ngắn, các dòng điện giảm đau, kích thích điện; sóng xung kích và Laser trị liệu.

Các phương pháp áp dụng nước trong điều trị và vận động tập dưới nước. Cách sử dụng và bảo quản máy móc điện trị liệu, thủy và nhiệt trị liệu.

9.42 Học phần Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ - xương 1

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh, bệnh học

ngoại.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho các trường hợp gãy xương chi trên, chi dưới, cột sống và chấn thương đầu.

Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu cho các trường hợp gãy xương; hệ thống lại các kiến thức và kỹ năng của môn chuyên ngành cơ bản để ứng dụng vào môn học này.

Ứng dụng các kiến thức và kỹ năng của các môn Vận động học - Vận động trị liệu các phương thức điều trị VLTL trong điều trị gãy xương chi trên, chi dưới, cột sống và chấn thương đầu.

9.43 Học phần Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ - xương 2

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh, bệnh học ngoại khoa và bệnh lý và vật lý trị liệu cơ xương 1

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý chỉnh hình và chấn thương trong thể dục thể thao.

Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu cho các khớp của chi trên, chi dưới và cột sống; nguyên tắc thực hiện kỹ thuật di động khớp (Joint Mobilization) trên từng khớp của cơ thể.

Ứng dụng các phương cách điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp có vấn đề về cơ xương và chấn thương trong thể dục thể thao.

Cách xử trí và phòng ngừa các tai nạn trong luyện tập thể dục thể thao và trong thi đấu.

9.44 Học phần Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ tim mạch và hô hấp

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh và sinh lý bệnh

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý về hệ hô hấp và tim mạch.

Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp có bệnh của hệ hô hấp và tim mạch ở các lứa tuổi.

Ứng dụng các phương cách điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh của hệ hô hấp và tim mạch.

9.45 Học phần Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ Thần kinh – Cơ

Môn học trước: giải phẫu, sinh lý và sinh lý bệnh , khoa học thần kinh.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý của hệ thần kinh –cơ.

Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh của hệ thần kinh –cơ ở các lứa tuổi

Ứng dụng các phương cách điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh lý của hệ thần kinh –cơ ở các lứa tuổi.

9.46 Học phần Phục hồi chức năng Nhi khoa

Môn học trước: Quá trình phát triển con người, giải phẫu, giải phẫu chức năng và bệnh lý thần kinh, hô hấp và chỉnh hình.

- Nguyên tắc khám và lượng giá vật lý trị liệu hô hấp nhi sơ sinh, các bệnh lý thần kinh cho trẻ, bệnh lý chỉnh hình ở trẻ em.
- Đưa mục tiêu và kế hoạch điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh liên quan đến vật lý trị liệu nhi .

9.47 Học phần Tiếng Anh chuyên ngành I

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát các thuật ngữ chuyên ngành trong y khoa của các cơ quan trong cơ thể

9.48 Học phần Tiếng Anh chuyên ngành II

Đây là nội dung ngoại ngữ chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng có thể áp dụng trên thực tế khi gặp bệnh nhân người nước ngoài để có thể giao tiếp khai thác bênh sử và lượng giá cũng như điều trị bằng phương pháp Vật lý trị liệu. Ngoài ra, sinh viên có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu Anh văn chuyên ngành.

Nội dung gồm các kiến thức thuật ngữ chuyên nghành sử dụng trong lãnh vực bệnh lý và VLTL Chấn thương chỉnh hình, Bệnh lý &VLTL Thần kinh – Cơ và Bệnh lý và VLTL Hô hấp.

9.49 Học phần Tổ chức và quản lý Khoa VLTL - PHCN

Môn học trước: các môn chuyên ngành

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống tổ chức và quản lý ngành VLTL –PHCN từ trung ương đến địa phương; chức trách và nhiệm vụ của các thành viên trong Khoa VLTL –PHCN; hoạt động của các thành viên trong nhóm phục hồi và cách tổ chức một khoa VLTL – PHCN ở các tuyến.

9.50 Học phần Thực tập lâm sàng 1

Môn học trước: các môn chuyên ngành

Sinh viên được hướng dẫn thực tập các kỹ thuật cơ bản về khám và lượng giá, áp dụng các kỹ thuật lượng giá chức năng và vận động trị liệu cơ bản trên bệnh nhân, sử dụng các dụng cụ và thiết bị Vật lý trị liệu tại các cơ sở thực tập.

Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và thân nhân người bệnh.

9.51 Học phần Thực tập lâm sàng 2

Môn học trước: các môn chuyên ngành

Sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng khám và lượng giá, thiết lập chương trình điều trị Vật lý trị liệu nhấn mạnh vào sự an toàn của bệnh nhân, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật Vật lý trị liệu trong việc lượng giá và điều trị bệnh nhân.

9.52 Học phần Thực tập lâm sàng 3

Môn học trước: các môn chuyên ngành

Sinh viên có thể khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh thường gặp, thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị Vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo và áp dụng đúng các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu . Hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh các đề phòng y học và chương trình tập tại nhà dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn lâm sàng.

9.53 Học phần Thực tập lâm sàng 4

Môn học trước: các môn chuyên ngành

Sinh viên khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh thông thường và phức tạp, thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị Vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo và áp dụng thành thạo các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu . Hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh các đề phòng y học và chương trình tập tại nhà .

9.54 Học phần Nghiên cứu khoa học nâng cao

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về nghiên cứu khoa học: thu thập, phân tích, xử lý các số liệu trong nghiên cứu khoa học và áp dụng phần mềm trong thống kê y học.

Viết được các mục tiêu nghiên cứu, lựa chọn được các biến số cần thiết cho mỗi mục tiêu. Viết được đề cương NCKH, Lựa chọn và thiết kế được công cụ thích hợp để thu thập số liệu.

9.55 Học phần Vật lý trị liệu thần kinh - cơ nâng cao

Môn học trước: Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ

Nội dung gồm khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh lý thần kinh – cơ; thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo. Áp dụng thành thạo các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu về thần kinh - cơ. Hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương trình tập tại nhà.

9.56 Học phần Vật lý trị liệu cho người bị cắt cụt chi và dụng cụ chỉnh hình

Môn học trước: Giải phẫu, sinh lý và Giải phẫu chức năng và Bệnh lý và Vật lý trị liệu cơ xương I.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về cách lượng giá, thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị vật lý trị liệu thích hợp cho các trường hợp cắt cụt chi trên và chi dưới; cách huấn luyện cho bệnh nhân với chi giả, cách chỉ định và chọn lựa các dụng cụ chỉnh hình như giầy, miếng lót lòng bàn chân, nẹp chỉnh các biến dạng bàn chân, nẹp cổ - bàn chân (Ankle Foot Orthotis), hoặc nẹp gối – cổ – bàn chân (Knee Ankle Foot Orthotis), nẹp háng gối cổ – bàn chân (Hip Knee Ankle Foot Orthotis) và các loại nẹp lưng (corset). Cách làm nẹp nghĩ bàn tay, nẹp cock up, nẹp nghĩ bàn chân.

9.57 Học phần Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về hệ thống tổ chức và quản lý chương trình PHCN dựa vào cộng đồng của Việt Nam; cách phát hiện và phân loại 07 nhóm khuyết tật tại cộng đồng theo WHO; sử dụng sách huấn luyện PHCN dựa vào cộng đồng; các phương cách PHCN 07 nhóm khuyết tật.

9.58 Học phần Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da – tiêu hóa –tiết niệu – sinh dục – nội tiết

Môn học trước: giải phẫu, giải phẫu chức năng, sinh lý và sinh lý bệnh

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng cho từng trường hợp bệnh lý của hệ da – tiêu hóa – tiết niệu – sinh dục và nội tiết; Nguyên tắc khám và lượng giá vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh hệ da – tiêu hóa – tiết niệu – sinh dục và nội tiết bao gồm VLTL cho sản phụ trước và sau khi sanh; Điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh lý hệ da – tiêu hóa – tiết niệu – sinh dục và nội tiết.

9.59 Học phần Vật lý trị liệu hô hấp – Tim mạch nâng cao

Môn học trước: Bệnh lý và Vật lý trị liệu hô hấp – Tim mạch

Nội dung gồm khám và lượng giá VLTL hoàn chỉnh các trường hợp bệnh lý hệ tim mạch - hô hấp; thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị Vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo và áp dụng thành thạo các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu về tim mạch - hô hấp. Hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương trình tập tại nhà.

9.60 Học phần Thực tập cộng đồng, PHCN dựa vào cộng đồng

Nội dung thực tập kỹ năng về hệ thống tổ chức và quản lý chương trình PHCN dựa

vào cộng đồng của Việt Nam: Cách điều trại, phát hiện và phân loại theo 07 nhóm tàn tật theo Tổ chức Y Tế Thế Giới. Áp dụng các kỹ thuật VLTL - PHCN dựa vào cộng đồng cho 7 nhóm tàn tật. Sử dụng sách huấn luyện PHCN dựa vào cộng đồng. Làm các dụng cụ trợ giúp, hướng dẫn cách làm dụng cụ trợ giúp và dụng cụ thích nghi cho người khuyết tật và người nhà tại địa phương. Cách triển khai, tổ chức, quản lý và điều hành chương trình PHCN dựa vào cộng đồng.

9.61 Học phần Thực Hành Dựa Trên Thực Chứng trong Vật lý trị liệu (Evidence Based Practise in Physical Therapy)

Môn học trước: Học các môn chuyên ngành và Anh văn chuyên ngành 1 & 2

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức các phương pháp để thực hành mà trong đó các chuyên gia y tế sử dụng các bằng chứng sẵn có tốt nhất từ các nghiên cứu có hệ thống, kết hợp với chuyên môn lâm sàng để đưa ra quyết định lâm sàng cho bệnh nhân, thân nhân và cộng đồng. Các bằng chứng nghiên cứu bao gồm, nhưng là không giới hạn, phân tích meta, tổng quan các thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên (RCTs), RCTs cá nhân, tổng quan nghiên cứu đoàn hệ, nghiên cứu đoàn hệ cá nhân, kết quả nghiên cứu, tổng quan nghiên cứu từng ca, nghiên cứu chuỗi và ý kiến của chuyên gia. Các giá trị EBP, cải thiện và xây dựng trên chuyên gia y tế, kiến thức về cơ chế bệnh học, và sinh lý bệnh. Dựa trên không chỉ y học chứng cứ mà còn trên đặc điểm, tình trạng và sở thích của bệnh nhân. Nhìn nhận rằng dịch vụ y tế mang tính cá nhân hóa và bao giờ cũng thay đổi, liên quan đến sự rủi ro.

9.62 Khoá luận tốt nghiệp

Sinh viện thực hiên luận văn tốt nghiệp

9.63 Học phần Tổng hợp các kiến thức Lý thuyết cơ bản về Vật lý trị liệu

Học phần cung cấp cho sinh viên cách vận dụng các kiến thức cơ bản đã học nhằm hệ thống, tổng hợp và xử lý để áp dụng trên lâm sàng để giải quyết các trường hợp bệnh như các môn:

- Khoa học vận động.
- Lượng giá chức năng
- Vận động trị liệu
- Các phương thức trị liệu .....

- Giải phẫu chức năng

- Khoa học Thần kinh

9.64 Học phần giải quyết ba trường hợp bệnh điển hình Môn học thay thế khóa luận 2

Học phần cung cấp cho sinh viên một số tình huống lâm sàng. Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 03 trong các tình huống thuộc các lãnh vực dưới đây:

- Bệnh lý và VLTL hệ cơ xương 1& 2.
- Bệnh lý và VLTL hệ tim mạch - hô hấp
- Bệnh lý và VLTL hệ thần kinh - cơ.
- Bệnh lý và VLTL hệ da - tiêu hóa - tiết niệu -sinh dục - nội tiết.
- PHCN Nhi khoa
- Cách phân loại ICF của Tổ chức Y tế thế giới

Từ đó tiến hành khám, thu thập thông tin, lượng giá để tìm ra những khiếm khuyết, hạn chế khả năng của người bệnh dựa trên sự phân loại ICF của Tổ chức Y Tế Thế giới.

Viết mục tiêu và kế hoạch điều trị Vật lý trị liệu trước mắt và lâu dài

Hoàn tất hồ sơ

❖ **Hồ sơ chi tiết khám và lượng giá bệnh nhân**:

Sinh viên phải trình bày bệnh án và kế hoạch điều trị đã xây dựng trước Ban chấm thi và nộp lại cho Khoa .